



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực  
Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp số**

0101264520

ngày 3 tháng 6 năm 2002

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101264520 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khóa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Khuất Quang Mậu	Thành viên
Ông Nguyễn Tùng Phương	Thành viên (từ ngày 1 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên (đến ngày 1 tháng 12 năm 2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Minh Trung	Trưởng ban
Ông Hồ Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi,  
Phường Văn Quán, Quận Hà Đông,  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 13 tháng 3 năm 2017.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-096-2



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>228.887.984.025</b>	<b>149.706.165.831</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>144.631.535.227</b>	<b>57.890.769.225</b>
Tiền	111		5.170.142.107	1.623.736.522
Các khoản tương đương tiền	112		139.461.393.120	56.267.032.703
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.974.390.559</b>	<b>89.106.401.391</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	41.132.416.055	41.340.067.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.596.641.710	38.554.928.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.245.332.794	9.211.405.590
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1.872.416.851</b>	<b>2.317.575.952</b>
Hàng tồn kho	141		1.872.416.851	2.317.575.952
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>409.641.388</b>	<b>391.419.263</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	409.639.138	391.417.013
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.250	2.250
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.412.213.204.008</b>	<b>2.554.047.080.740</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.374.013.801.722</b>	<b>2.547.492.536.307</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.370.382.253.766	2.543.849.190.971
Nguyên giá	222		3.362.051.272.328	3.354.083.185.971
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(991.669.018.562)	(810.233.995.000)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.631.547.956	3.643.345.336
Nguyên giá	228		4.218.451.584	4.160.111.334
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(586.903.628)	(516.765.998)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.254.644.098</b>	<b>133.072.326</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	35.254.644.098	133.072.326
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.950.000.000</b>	<b>1.950.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	1.950.000.000	1.950.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>994.758.188</b>	<b>4.471.472.107</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	994.758.188	4.471.472.107
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.641.101.188.033</b>	<b>2.703.753.246.571</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.436.017.079.435</b>	<b>1.596.054.006.956</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>408.955.620.991</b>	<b>371.042.192.826</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	52.834.257.519	137.871.180.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.460.000	102.460.000
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	14	16.187.081.475	8.583.542.266
Phải trả người lao động	314		7.980.127.523	7.018.744.821
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.794.677.018	1.977.748.667
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	18.101.593.819	16.080.433.370
Vay ngắn hạn	320	17(a)	310.931.286.540	196.418.205.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	1.024.137.097	2.989.877.231
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.027.061.458.444</b>	<b>1.225.011.814.130</b>
Phải trả nội bộ dài hạn	335	19	4.572.014.881	34.717.000.635
Vay dài hạn	338	17(b)	1.022.489.443.563	1.190.294.813.495
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.205.084.108.598</b>	<b>1.107.699.239.615</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.205.084.108.598</b>	<b>1.107.699.239.615</b>
Vốn cổ phần	411	21	1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.925.008.073	1.490.730.951
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	11.068.256.211	13.502.533.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		162.196.387.874	64.811.518.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.535.548	8.823.881.665
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		162.178.852.326	55.987.637.226
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.641.101.188.033</b>	<b>2.703.753.246.571</b>

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyền Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>593.372.937.658</b>	<b>448.743.607.239</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>263.131.078.004</b>	<b>243.897.044.997</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>330.241.859.654</b>	<b>204.846.562.242</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.381.900.289	2.008.376.970
Chi phí tài chính	22	28	115.761.266.260	121.699.376.147
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>112.400.540.010</i>	<i>121.748.711.472</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	29.009.255.260	27.685.997.600
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>188.853.238.423</b>	<b>57.469.565.465</b>
Thu nhập khác	31		75.723.543	243.593.636
Chi phí khác	32		967.806.492	331.200.000
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(892.082.949)</b>	<b>(87.606.364)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>187.961.155.474</b>	<b>57.381.959.101</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>25.782.303.148</b>	<b>1.394.321.875</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>162.178.852.326</b>	<b>55.987.637.226</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.582	546

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyền Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		652.917.882.661	481.705.820.357
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.335.096.620)	(11.569.189.139)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.144.947.471)	(29.838.279.768)
Tiền lãi vay đã trả	04		(112.326.049.788)	(121.682.310.253)
Thuế nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(20.882.617.315)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.349.158.362	1.278.593.466
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(133.404.532.996)	(92.039.724.749)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>353.173.796.833</b>	<b>227.854.909.914</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(156.791.313.761)	(33.807.389.893)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	201.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.970.501.151	1.913.154.596
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(153.820.812.610)</b>	<b>(31.693.235.297)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		180.002.348.119	162.666.544.839
Tiền trả nợ gốc vay	34		(233.294.637.149)	(303.736.089.668)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(59.319.881.634)	(48.885.078.848)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(112.612.170.664)</b>	<b>(189.954.623.677)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		86.740.813.559	6.207.050.940
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		57.890.769.225	51.682.608.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.557)	1.109.690
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	144.631.535.227	57.890.769.225

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các đơn vị trực thuộc của Công ty.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bô	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 135 nhân viên (1/1/2017: 135 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 đối với việc trích trước nguyên giá của tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bô và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 180.068 triệu VND (1/1/2017: 221.336 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản dựa trên khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

**(c) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chi được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho, ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các dự án dịch vụ được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa đất đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 66 năm và không khấu hao đối với quyền sử dụng đất được Nhà nước giao vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 66 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và quy định như nhau.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	203.929.178	272.278.469
Tiền gửi ngân hàng	4.966.212.929	1.351.458.053
Các khoản tương đương tiền	139.461.393.120	56.267.032.703
	<hr/>	<hr/>
	144.631.535.227	57.890.769.225
	<hr/>	<hr/>

**5. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Các khách hàng khác	1.688.028.963	1.848.586.853
	<hr/>	<hr/>
	41.132.416.055	41.340.067.292
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	856.208.744	1.019.303.452
	<hr/>	<hr/>
	40.300.595.836	40.510.783.891
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	-	3.467.105.093
Tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	4.472.363.000	4.472.363.000
Tạm ứng cho nhân viên	478.672.000	695.160.000
Phải thu về lãi tiền gửi	220.788.637	103.836.210
Các khoản phải thu khác	73.509.157	472.941.287
	<hr/>	<hr/>
	5.245.332.794	9.211.405.590
	<hr/>	<hr/>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng đi đường	73.000.000	-
Nguyên vật liệu	561.758.999	239.685.585
Công cụ và dụng cụ	52.830.804	258.116.827
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.184.827.048	1.819.773.540
- Dự án Sông Bạc	-	636.606.492
- Chi phí tư vấn thiết kế cho Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô	1.184.827.048	1.183.167.048
	<hr/>	<hr/>
	1.872.416.851	2.317.575.952
	<hr/>	<hr/>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.661.594.508.907	1.682.616.144.632	9.314.574.213	557.958.219	3.354.083.185.971
Tăng trong năm	-	-	2.727.116.493	61.950.000	2.789.066.493
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.545.219.105	-	-	633.800.759	5.179.019.864
Số dư cuối năm	1.666.139.728.012	1.682.616.144.632	12.041.690.706	1.253.708.978	3.362.051.272.328
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	335.978.677.824	468.581.587.385	5.207.560.100	466.169.691	810.233.995.000
Khấu hao trong năm	76.429.884.752	103.893.411.788	1.030.789.088	80.937.934	181.435.023.562
Số dư cuối năm	412.408.562.576	572.474.999.173	6.238.349.188	547.107.625	991.669.018.562
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.325.615.831.083	1.214.034.557.247	4.107.014.113	91.788.528	2.543.849.190.971
Số dư cuối năm	1.253.731.165.436	1.110.141.145.459	5.803.341.518	706.601.353	2.370.382.253.766

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 11.921.127.325 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 10.186.637.155 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 98.490.765 VND (1/1/2017: 98.490.765 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.354.052.484.102 VND (1/1/2017: 2.533.836.076.793 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	3.857.548.229	210.748.515	91.814.590	4.160.111.334
Tăng trong năm	-	58.340.250	-	58.340.250
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.857.548.229</b>	<b>269.088.765</b>	<b>91.814.590</b>	<b>4.218.451.584</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	334.891.474	90.059.934	91.814.590	516.765.998
Khấu hao trong năm	47.841.636	22.295.994	-	70.137.630
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>382.733.110</b>	<b>112.355.928</b>	<b>91.814.590</b>	<b>586.903.628</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	3.522.656.755	120.688.581	-	3.643.345.336
Số dư cuối năm	3.474.815.119	156.732.837	-	3.631.547.956

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 91.814.590 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 91.814.590 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 3.474.815.119 VND (1/1/2017: 3.522.656.755 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	133.072.326	15.550.343.334
Tăng trong năm	40.300.591.636	7.191.491.382
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.179.019.864)	(22.608.762.390)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	35.254.644.098	133.072.326
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Tòa nhà văn phòng Công ty	32.563.109.523	-
Nhà ở và nhà làm việc của cán bộ công nhân viên	2.407.197.908	-
Nhà máy Thủy điện Khe Bó	284.336.667	133.072.326
Công trình khác	<hr/>	<hr/>
	35.254.644.098	133.072.326
	<hr/>	<hr/>

## 11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2017			1/1/2017				
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	Lạng Sơn	195.000	9,60%	1.950.000.000	-	(*)	195.000	9,83%	1.950.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## 12. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	67.867.608	22.715.908
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	341.771.530	368.701.105
	409.639.138	391.417.013

### (b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	928.571.920	120.440.560	3.422.459.627	4.471.472.107
Tăng trong năm	-	45.836.364	21.272.640	67.109.004
Phân bổ trong năm	(20.222.980)	(146.012.157)	(3.377.587.786)	(3.543.822.923)
	908.348.940	20.264.767	66.144.481	994.758.188

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

### Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	-	16.756.318.609
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	10.437.529.475	13.473.187.656
Tổng Công ty 36	9.054.498.668	68.320.850.976
Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	8.008.312.108	6.285.560.269
Các nhà cung cấp khác	25.333.917.268	33.035.263.323
	52.834.257.519	137.871.180.833

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	306.496.589	59.340.748.307	(51.239.595.061)	(6.277.307.134)	2.130.342.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.152.657.772	25.782.303.148	(20.882.617.315)	-	6.052.343.605
Thuế thu nhập cá nhân	891.526.701	1.801.510.485	(1.665.774.967)	-	1.027.262.219
Thuế tài nguyên	3.401.298.524	49.723.058.086	(49.941.279.804)	-	3.183.076.806
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.855.232	(25.855.232)	-	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.831.562.680	12.809.060.684	(11.846.567.220)	-	3.794.056.144
	8.583.542.266	149.488.535.942	(135.607.689.599)	(6.277.307.134)	16.187.081.475

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	344.323.912	269.833.690
Chi phí thường vận hành an toàn điện	-	1.371.547.350
Các khoản trích trước khác	1.450.353.106	336.367.627
	<hr/>	<hr/>
	1.794.677.018	1.977.748.667

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	83.008.384	34.560.266
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	1.972.974
Cổ tức phải trả	16.678.959.753	14.810.461.881
Tiền ứng vốn tạm thời do Hội đồng di dân, tái định cư Huyện Tương Dương trả hộ cho Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	339.625.682	233.438.249
	<hr/>	<hr/>
	18.101.593.819	16.080.433.370

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	30.707.718.051	(34.194.637.149)	9.831.286.540
Vay dài hạn đến hạn trả (17(b))	183.100.000.000	317.100.000.000	(199.100.000.000)	301.100.000.000
	196.418.205.638	347.807.718.051	(233.294.637.149)	310.931.286.540

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	VND	7% - 9%	9.831.286.540	13.318.205.638

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.286.303.045 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) (Thuyết minh 8).

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	VND	6,90% - 10,50%	2020	905.466.301.476	1.049.466.301.476
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	VND	9,48% - 9,50%	2025	205.200.000.000	223.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội				83.060.003.274	100.728.512.019
<i>Hợp đồng số 93 - 21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2025	38.807.391.725	44.807.391.725
<i>Hợp đồng số 155 - 26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2020	44.252.611.549	55.921.120.294
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh (*)	VND	9,20% - 9,54%	2027	129.863.138.813	-
				<hr/>	<hr/>
				1.323.589.443.563	1.373.394.813.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(301.100.000.000)	(183.100.000.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.022.489.443.563	1.190.294.813.495
				<hr/>	<hr/>

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình có giá trị còn lại là 2.347.240.996.176 VND (1/1/2017: 2.526.833.200.690 VND) (Thuyết minh 8 và 9).

(\*) Đây là các khoản vay có lãi suất cố định theo từng lần giải ngân.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.989.877.231	7.516.521.993
Trích lập trong năm	3.605.603.837	1.301.344.131
Tăng khác trong năm	72.700.000	8.000.000
Sử dụng trong năm	(5.644.043.971)	(5.835.988.893)
Số dư cuối năm	<u>1.024.137.097</u>	<u>2.989.877.231</u>

**19. Phải trả nội bộ dài hạn**

Đây là khoản trích trước Nguyên giá tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bô từ năm 2013 và tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình từ năm 2016. Việc hạch toán và theo dõi trên khoản mục này được thực hiện theo công văn số 12227/BCT-CDKT ngày 3/9/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sẽ được tất toán khi Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô và tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình quyết toán chính thức.

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020
Phát hành cổ phiếu	24.964.270.000	(24.964.270.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.987.637.226	55.987.637.226
Cổ tức (thuyết minh số 22)	-	-	-	-	(49.998.335.500)	(49.998.335.500)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.562.754	(867.562.754)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.301.344.131)	(1.301.344.131)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	35.800.000	(35.800.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1/1/2017</b>	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.811.518.891	1.107.699.239.615
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	162.178.852.326	162.178.852.326
Cổ tức (thuyết minh số 22)	-	-	-	-	(61.188.379.506)	(61.188.379.506)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.605.603.837)	(3.605.603.837)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	2.434.277.122	(2.434.277.122)	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	1.024.930.980.000	2.963.476.440	3.925.008.073	11.068.256.211	162.196.387.874	1.205.084.108.598

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	102.493.098	1.024.930.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**22. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.205.915.054 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại cuộc họp ngày 21 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chi trả khoản cổ tức 61.188.379.506 VND bằng tiền để đảm bảo cổ tức chi trả cho mỗi cổ phiếu không lè. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2017.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 49.998.335.500 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2016.

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.369	53.719.343	2.386	54.379.621



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Doanh thu bán điện thương phẩm		
▪ Nhà máy Thủy điện Nậm Mả	10.377.486.847	10.559.773.584
▪ Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	142.585.965.380	71.079.618.771
▪ Nhà máy Thủy điện Khe Bô	440.409.485.431	367.104.214.884
	<hr/>	<hr/>
	593.372.937.658	448.743.607.239

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán		
▪ Nhà máy Thủy điện Nậm Mả	5.774.355.345	5.922.949.704
▪ Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	65.736.335.560	56.294.124.896
▪ Nhà máy Thủy điện Khe Bô	191.620.387.099	181.679.970.397
	<hr/>	<hr/>
	263.131.078.004	243.897.044.997

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	2.989.953.578	1.940.126.970
Cổ tức được chia	97.500.000	68.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	287.954.087	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.492.624	-
	<hr/>	<hr/>
	3.381.900.289	2.008.376.970

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	112.400.540.010	121.748.711.472
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	267.139.351
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(750.597.372)
Chi phí tài chính khác	3.360.726.250	434.122.696
	<hr/> 115.761.266.260	<hr/> 121.699.376.147

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	615.707.553	622.111.667
Chi phí nhân viên	17.031.784.350	16.732.947.148
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	192.369.795	543.150.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.761.491	1.466.411.773
Thuế, phí và lệ phí	73.355.642	66.309.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.428.839.548	1.657.353.409
Chi phí khác bằng tiền	7.805.436.881	6.597.713.330
	<hr/> 29.009.255.260	<hr/> 27.685.997.600

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	856.594.134	1.163.739.894
Chi phí nhân viên	29.526.287.347	28.418.808.279
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	275.919.419	882.323.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.352.586.648	181.267.408.253
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.987.752.630	963.615.766
Thuế, phí và lệ phí	62.622.481.412	44.694.398.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.768.793.678	5.042.377.021
Chi phí khác	10.751.577.996	9.151.482.438

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	187.961.155.474	57.381.959.101
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.592.231.095	11.476.391.820
Ưu đãi thuế	(12.003.175.975)	(10.168.275.043)
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.748.028	99.855.098
Thu nhập không bị tính thuế	(19.500.000)	(13.650.000)
	25.782.303.148	1.394.321.875

**(b) Thuế suất áp dụng**

***Nhà máy Thủy điện Bắc Bình***

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

***Nhà máy Thủy điện Khe Bô***

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Khe Bô có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong năm 2015 và 2016 và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	162.178.852.326	55.987.637.226
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	162.178.852.326	55.987.637.226

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	102.493.098	102.493.098

**33. Các công cụ tài chính**

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) **Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	144.427.606.049	57.618.490.756
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	46.377.748.849	50.551.472.882
		<u>190.805.354.898</u>	<u>108.169.963.638</u>

**(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, tạm ứng, và phải thu về lãi tiền gửi tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng là tương đối thấp.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi tại ngân hàng được xem là tương đối thấp do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không).

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	70.935.851.338	70.935.851.338	70.935.851.338	-	-	-
Vay ngắn hạn	9.831.286.540	9.876.093.931	9.876.093.931	-	-	-
Vay dài hạn	1.323.589.443.563	1.592.303.735.613	394.502.345.560	448.088.768.426	575.077.693.181	174.634.928.446
Chi phí phải trả	1.794.677.018	1.794.677.018	1.794.677.018	-	-	-
	<b>1.406.151.258.459</b>	<b>1.674.910.357.900</b>	<b>477.108.967.847</b>	<b>448.088.768.426</b>	<b>575.077.693.181</b>	<b>174.634.928.446</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	153.951.614.203	153.951.614.203	153.951.614.203	-	-	-
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	13.789.253.770	13.789.253.770	-	-	-
Vay dài hạn	1.373.394.813.495	1.627.654.481.934	230.274.266.740	377.782.672.613	872.480.730.585	147.116.811.996
Chi phí phải trả	1.977.748.667	1.977.748.667	1.977.748.667	-	-	-
	<b>1.542.642.382.003</b>	<b>1.797.373.098.574</b>	<b>399.992.883.380</b>	<b>377.782.672.613</b>	<b>872.480.730.585</b>	<b>147.116.811.996</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.369	2.386
Phải trả người bán	(261.001)	(995.605)
	<hr/>	<hr/>
	(258.632)	(993.219)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1 USD/VND	22.740	22.770
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận kế toán trước thuế VND</b>
<b>31/12/2017</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với đồng VND)	(58.812.917)
<b>1/1/2017</b>	
USD (mạnh thêm 3% so với đồng VND)	(678.467.899)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	144.427.606.049	57.618.490.756
Vay ngắn hạn	(9.831.286.540)	(13.318.205.638)
Vay dài hạn	(905.466.301.476)	(1.049.466.301.476)
	(770.869.981.967)	(1.005.166.016.358)
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Vay dài hạn	(418.123.142.087)	(323.928.512.019)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 4.181.231.421 VND lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty (1/1/2017: 3.239.285.120 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	144.631.535.227	144.631.535.227	57.890.769.225	57.890.769.225
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	46.377.748.849	46.377.748.849	50.551.472.882	50.551.472.882
<i>Được phân loại là công cụ tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	(*)	1.950.000.000	(*)
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(70.935.851.338)	(70.935.851.338)	(153.951.614.203)	(153.951.614.203)
▪ Vay ngắn hạn	(9.831.286.540)	(9.831.286.540)	(13.318.205.638)	(13.318.205.638)
▪ Vay dài hạn	(1.323.589.443.563)	(*)	(1.373.394.813.495)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(1.794.677.018)	(1.794.677.018)	(1.977.748.667)	(1.977.748.667)
	<u>(1.213.191.974.383)</u>		<u>(1.432.250.139.896)</u>	

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Cổ tức	22.423.226.271	18.321.875.000
<b>Công ty Mua bán Điện</b>		
Doanh thu bán hàng	582.995.450.811	438.183.833.655
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</b>		
Doanh thu bán hàng	10.322.689.624	10.536.555.555
<b>Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Lương và thù lao	1.785.177.260	1.533.232.715
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.098.785.281	1.214.587.492

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam giải trình biến động lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo tài chính Tổng hợp đã được kiểm toán năm 2017 như sau:

- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017: 187.961.155.474 đồng.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016: 57.381.959.101 đồng.

*Nguyên nhân chủ yếu:*

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 tăng 228% so với năm 2016 chủ yếu là do: Lượng nước về các hồ thủy điện trong năm nay nhiều hơn so với năm trước, sản lượng điện sản xuất của các Nhà máy tăng lên, dẫn đến Doanh thu về SXKD điện tăng cao, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm nay tăng lên. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	
			Tăng/giảm	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	593.372.937.658	448.743.607.239	144.629.330.419	32%
Giá vốn hàng bán	263.131.078.004	243.897.044.997	19.234.033.007	8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.241.859.654	204.846.562.242	125.395.297.412	61%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.381.900.289	2.008.376.970	1.373.523.319	68%
Chi phí tài chính	115.761.266.260	121.699.376.147	(5.938.109.887)	-5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.009.255.260	27.685.997.600	1.323.257.660	5%
Lợi nhuận khác	(892.082.949)	(87.606.364)	(804.476.585)	-918%
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>187.961.155.474</b>	<b>57.381.959.101</b>	<b>130.579.196.373</b>	<b>228%</b>

Công ty xin giải trình số liệu với Quý cơ quan và Quý cổ đông.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT, VPHĐQT



Nguyễn Thanh Tùng